

## PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1181/QĐ – TCTK ngày 07 tháng 8 năm 2017  
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

### I. Mục đích và yêu cầu điều tra

#### 1. Mục đích điều tra

Cuộc điều tra thu thập thông tin cơ bản phản ánh kết quả hoạt động sản xuất lâm nghiệp trên phạm vi cả nước nhằm phục vụ việc tính toán các chỉ tiêu thống kê cấp quốc gia, cấp tỉnh của ngành lâm nghiệp; đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất lâm nghiệp của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.

#### 2. Yêu cầu điều tra

Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu cuộc điều tra phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra;

Đảm bảo thông tin điều tra đầy đủ, kịp thời, chính xác, phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi;

Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra bảo đảm đúng chế độ hiện hành.

### II. Phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra

#### 1. Phạm vi điều tra

Cuộc điều tra được tiến hành tại tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) có rừng<sup>1</sup>, thuộc tất cả các loại hình kinh tế, thuộc **ngành kinh tế cấp 3 như sau:**

- Trồng rừng, chăm sóc rừng trồng và ươm giống cây lâm nghiệp;

- Khai thác gỗ;

- **Khai thác và thu nhặt sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ từ rừng và từ cây lâm nghiệp trồng phân tán;**

- **Dịch vụ lâm nghiệp.**

#### 2. Đối tượng điều tra

- Rừng sản xuất

- Rừng phòng hộ

- Rừng đặc dụng

- Cây giống lâm nghiệp

- Cây lâm nghiệp trồng phân tán

<sup>1</sup> Tham khảo khái niệm rừng ở mục giải thích

### **3. Đơn vị điều tra**

- Thôn, ấp, bản, tiểu khu,... có rừng (gọi chung là *thôn có rừng*).
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác có hoạt động trồng rừng, chăm sóc rừng, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng, ươm cây giống lâm nghiệp, khai thác gỗ, khai thác, thu nhặt sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ, bảo vệ rừng và thực hiện các hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác trong 12 tháng trước thời điểm điều tra.
- Trang trại lâm nghiệp, trang trại thuộc lĩnh vực khác có diện tích rừng trồng đạt quy mô từ 31 ha trở lên;
- Các Ban quản lý rừng;
- Tổ chức khác là các chủ rừng<sup>2</sup>;
- Hộ thuộc thôn có rừng.

### **III. Loại điều tra**

Cuộc điều tra được thực hiện kết hợp giữa điều tra toàn bộ với điều tra chọn mẫu.

#### **1. Điều tra toàn bộ**

a) Điều tra toàn bộ các hộ và cộng đồng dân cư được giao quản lý rừng trên địa bàn thôn có rừng về diện tích rừng trồng mới; diện tích rừng được chăm sóc, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh; diện tích rừng được bảo vệ; diện tích rừng trồng được khai thác; diện tích và số cây giống lâm nghiệp thực hiện trong 12 tháng trước thời điểm điều tra.

Không bao gồm thông tin về:

- Diện tích rừng do hộ, cộng đồng dân cư nhận khoán từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, dự án lâm nghiệp;
- Diện tích rừng của các trang trại lâm nghiệp và trang trại thuộc lĩnh vực khác có diện tích rừng trồng đạt quy mô từ 31 ha trở lên.

b) Điều tra toàn bộ doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại lâm nghiệp, trang trại khác có diện tích rừng trồng đạt quy mô từ 31 ha trở lên, các ban quản lý rừng, tổ chức kinh tế và tổ chức khác có hoạt động sản xuất lâm nghiệp trong 12 tháng trước thời điểm điều tra về kết quả sản xuất lâm nghiệp của đơn vị.

#### **2. Điều tra chọn mẫu**

Điều tra chọn mẫu áp dụng đối với:

- (1) Các Hộ có diện tích rừng trồng được khai thác trong kỳ điều tra để thu thập thông tin về sản lượng gỗ, củi khai thác;
- (2) Các Hộ thuộc các thôn có rừng để thu thập thông tin về khai thác và thu nhặt sản phẩm lâm nghiệp từ rừng và từ cây lâm nghiệp trồng phân tán trong kỳ điều tra;
- (3) Các Hộ có diện tích cây lâm nghiệp trọng điểm cho thu hoạch trong kỳ điều tra để thu thập thông tin về sản lượng sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm.

#### **Quy mô và phương pháp chọn mẫu đề cập trong phụ lục I.**

---

<sup>2</sup> Tham khảo phần giải thích về chủ rừng

## **IV. Thời điểm, thời gian và phương pháp điều tra**

### **1. Thời điểm điều tra**

- Thời điểm điều tra: **01/01** hàng năm

### **2. Thời kỳ thu thập thông tin**

- Số liệu thời điểm: Tại thời điểm **01/01** năm điều tra

- Số liệu thời kỳ: Số phát sinh thực tế trong 12 tháng trước thời điểm điều tra, từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm trước năm điều tra.

**3. Thời gian điều tra:** 15 ngày, bắt đầu từ thời điểm điều tra.

### **4. Phương pháp điều tra**

Áp dụng hai phương pháp dưới đây để thu thập thông tin:

#### **a) Thu thập số liệu gián tiếp**

- Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, ban quản lý rừng, tổ chức kinh tế và tổ chức khác là chủ rừng có hoạt động sản xuất lâm nghiệp trong năm: Chi cục Thống kê hướng dẫn phương pháp cho đơn vị được điều tra ghi và hoàn thiện phiếu điều tra; lãnh đạo đơn vị duyệt, ký, đóng dấu và gửi phiếu điều tra về Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn đơn vị thực hiện sản xuất. Trường hợp đơn vị thực hiện sản xuất lâm nghiệp ở phạm vi liên tỉnh, đơn vị thực hiện gửi phiếu điều tra cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đơn vị có trụ sở chính.

- Đối với các thôn có rừng: Trưởng thôn hoặc người được phân công ghi phiếu điều tra căn cứ vào thông tin về sản xuất lâm nghiệp của thôn từ tài liệu, sổ sách hiện có và tình hình thực tế của thôn để tiến hành tổng hợp thông tin và ghi vào phiếu điều tra. Trong trường hợp cần bổ sung, xác minh thông tin, trưởng thôn hoặc người được phân công ghi phiếu đến gặp trực tiếp người nắm được thông tin của hộ để ghi chép, tổng hợp thông tin vào phiếu điều tra.

#### **b) Thu thập số liệu trực tiếp**

Trang trại, hộ mẫu được chọn điều tra: Điều tra viên đến từng trang trại, hộ được chọn điều tra mẫu thực hiện phỏng vấn trực tiếp người nắm được thông tin về sản xuất lâm nghiệp của trang trại, hộ để ghi vào phiếu điều tra.

Trong quá trình phỏng vấn, điều tra viên cần kết hợp giữa quan sát quy mô sản xuất lâm nghiệp của trang trại, hộ với việc sử dụng các sản phẩm lâm nghiệp tự sản xuất để làm nhà mới, sửa chữa nhà cửa, chuồng trại chăn nuôi,... nhằm ghi đầy đủ thông tin, bảo đảm phản ánh đúng kết quả sản xuất lâm nghiệp trong kỳ điều tra. Đối với những sản phẩm lâm nghiệp được khai thác để tự sử dụng thường xuyên, điều tra viên cần phỏng vấn số lượng sản phẩm khai thác cho tiêu dùng bình quân một ngày, một tuần hoặc một tháng và tính cho cả năm. Đối với sản phẩm có tính mùa vụ như: măng, mộc nhĩ, nấm,..., điều tra viên phỏng vấn sản lượng thu hoạch thực tế theo từng vụ sản xuất và tổng hợp sản lượng cả năm để ghi vào phiếu.

## **V. Nội dung, phiếu điều tra**

### **1. Nội dung điều tra**

Cuộc điều tra nhằm thu thập các thông tin:

- Diện tích rừng trồng mới;
- **Diện tích rừng trồng được chăm sóc;**
- Diện tích rừng tự nhiên được khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh;
- Diện tích ươm giống và số **cây giống lâm nghiệp sản xuất;**
- Số cây lâm nghiệp trồng phân tán;
- Diện tích và sản lượng gỗ khai thác;
- Sản lượng sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ khai thác, thu nhập từ rừng và từ cây lâm nghiệp trồng phân tán;
- Diện tích và sản lượng sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm;
- Diện tích rừng được bảo vệ;
- Chi phí của hoạt động trồng và chăm sóc rừng trồng;
- Doanh thu bán ra của các sản phẩm lâm nghiệp và các hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.

### **2. Phiếu điều tra**

Trong cuộc điều tra này sử dụng 5 loại phiếu, bao gồm:

- Phiếu số 01/ĐTLN-THON: Phiếu thu thập thông tin kết quả hoạt động sản xuất lâm nghiệp của hộ gia đình và cộng đồng dân cư trên địa bàn thôn;
- Phiếu số 02/ĐTLN-DN,TT: Phiếu thu thập thông tin kết quả hoạt động sản xuất lâm nghiệp của doanh nghiệp, hợp tác xã, ban quản lý rừng, trang trại, các tổ chức kinh tế khác và tổ chức khác;
- Phiếu số 03/ĐTLN-HM-GO: Phiếu thu thập thông tin sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng của hộ;
- Phiếu số 04/ĐTLN-HM-LS: Phiếu thu thập thông tin sản lượng gỗ khai thác từ cây lâm nghiệp trồng phân tán; khai thác, thu nhập sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ của hộ;
- Phiếu số 05/ĐTLN-HM-LSTĐ: Phiếu thu thập thông tin diện tích và sản lượng lâm sản trọng điểm thu hoạch của hộ.

## **VI. Phân loại thống kê sử dụng trong điều tra**

Các bảng phân loại được áp dụng trong cuộc điều tra này gồm:

- Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2007) ban hành theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 1 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ;
- Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 39/2010/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;
- Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra.

## **VII. Quy trình xử lý và biểu đầu ra của điều tra**

### **1. Quy trình xử lý thông tin điều tra**

Sau khi kết thúc giai đoạn thu thập thông tin, các loại phiếu điều tra được gửi về Chi cục Thống kê để kiểm tra, làm sạch, đánh mã. Cục Thống kê trực tiếp nghiệm thu số lượng, chất lượng theo từng loại phiếu điều tra.

Phiếu điều tra được nhập tin tại cơ quan Thống kê địa phương theo chương trình phần mềm thống nhất do Tổng cục Thống kê xây dựng.

Cục Thống kê gửi toàn bộ cơ sở dữ liệu điều tra, báo cáo phân tích, biểu tổng hợp về Tổng cục Thống kê.

### **2. Tổng hợp, suy rộng kết quả điều tra**

Kết quả điều tra được tổng hợp và suy rộng cho cấp tỉnh.

#### **a) Tổng hợp kết quả điều tra toàn bộ**

(1) Đối với các thôn có rừng: Kết quả điều tra toàn bộ được tổng hợp cho từng huyện từ phiếu số 01/ĐTLN-THON theo các chỉ tiêu sau:

- Diện tích rừng trồng mới;
- Diện tích rừng trồng được chăm sóc;
- Diện tích rừng tự nhiên được khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh;
- Diện tích, số cây giống lâm nghiệp sản xuất và doanh thu bán cây giống;
- Diện tích rừng được bảo vệ;
- Diện tích rừng trồng cho khai thác phân theo nhóm gỗ;
- Diện tích hiện có, diện tích trồng mới và diện tích cho thu hoạch theo loại cây lâm nghiệp trọng điểm.

Sau khi hoàn thành công tác thu thập thông tin, trưởng thôn hoặc điều tra viên gửi phiếu điều tra lên UBND xã. Công chức thống kê xã có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin trong phiếu với số liệu từ hồ sơ hành chính như hồ sơ kiểm kê đất đai, kiểm kê rừng,..., để tổng hợp cho toàn xã theo mẫu quy định, trình lãnh đạo UBND xã ký, đóng dấu và gửi Chi cục Thống kê.

(2) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, ban quản lý rừng, tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất lâm nghiệp trong kỳ điều tra; trang trại có diện tích đất lâm nghiệp trên 31 ha: Kết quả điều tra được tổng hợp từ phiếu số 02/ĐTLN-DN,TT theo các chỉ tiêu sau:

- Diện tích rừng trồng mới;
- Diện tích rừng trồng được chăm sóc;
- Diện tích rừng tự nhiên được khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh;
- Diện tích rừng được bảo vệ;
- Diện tích và số cây giống lâm nghiệp sản xuất;
- Số cây lâm nghiệp trồng phân tán;
- Diện tích và sản lượng gỗ khai thác;
- Sản lượng sản phẩm ngoài gỗ khai thác, thu nhập từ rừng và từ cây lâm nghiệp trồng phân tán;
- Chi phí hoạt động trồng và chăm sóc rừng trồng;

- Doanh thu bán sản phẩm lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.

Các Chi cục Thống kê có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và đối chiếu thông tin trong phiếu của các đơn vị điều tra với thông tin từ các Hạt kiểm lâm, phòng nông nghiệp và các đơn vị liên quan.

b) Suy rộng kết quả điều tra mẫu

(1) *Suy rộng đối với sản lượng gỗ từ rừng trồng cho khai thác*

Sản lượng gỗ khai thác được suy rộng theo từng nhóm gỗ:

- Tính năng suất khai thác gỗ bình quân một ha của mẫu điều tra theo công thức:

$$\bar{x}_j = \frac{\sum x_{ij}}{\sum d_{ij}} \quad (1)$$

Trong đó:

$\bar{x}_j$ : Năng suất khai thác gỗ bình quân một ha của nhóm gỗ thứ j ( j =  $\overline{1,8}$  ) của mẫu điều tra trong kỳ điều tra, tính bằng m<sup>3</sup>/ha;

$x_{ij}$ : Sản lượng gỗ khai thác của hộ mẫu thứ i, nhóm gỗ j trong kỳ điều tra, tính bằng m<sup>3</sup>;

$d_{ij}$ : Diện tích rừng trồng được khai thác trong kỳ điều tra của hộ mẫu thứ i, nhóm gỗ j, tính bằng ha.

- Suy rộng sản lượng gỗ khai thác cho toàn tỉnh của hộ có diện tích rừng trồng được khai thác trong kỳ điều tra theo công thức:

$$X_j = \bar{x}_j * D_j \quad (2)$$

Trong đó:

-  $X_j$ : Sản lượng gỗ khai thác nhóm gỗ j ( j =  $\overline{1,8}$  ) toàn tỉnh của hộ trong kỳ điều tra, tính bằng m<sup>3</sup>;

-  $\bar{x}_j$ : Năng suất khai thác gỗ bình quân một ha của nhóm gỗ thứ j ( j =  $\overline{1,8}$  );

-  $D_j$ : Diện tích rừng trồng được khai thác toàn tỉnh của hộ trong kỳ điều tra của nhóm gỗ thứ j ( j =  $\overline{1,8}$  ), tính bằng ha;

(2) *Suy rộng đối với sản lượng củi từ rừng trồng cho khai thác*

- Tính năng suất củi khai thác bình quân một ha của mẫu điều tra theo công thức:

$$\bar{y}_j = \frac{\sum y_{ij}}{\sum d_{ij}} \quad (3)$$

Trong đó:

$\bar{y}_j$ : Năng suất khai thác củi bình quân một ha của nhóm gỗ thứ j ( j =  $\overline{1,8}$  ) của mẫu điều tra trong kỳ điều tra, tính bằng tấn/ha;

$y_{ij}$ : Sản lượng củi khai thác của hộ mẫu thứ i, nhóm gỗ j trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

$d_{ij}$ : Diện tích rừng trồng được khai thác trong kỳ điều tra của hộ mẫu thứ i, nhóm gỗ j, tính bằng ha.

- Suy rộng sản lượng củi khai thác cho toàn tỉnh của hộ có diện tích rừng trồng được khai thác trong kỳ điều tra theo công thức:

$$Y_j = \bar{y}_j * D_j \quad (4)$$

Trong đó:

-  $Y_j$ : Sản lượng củi khai thác nhóm gỗ  $j$  ( $j = \overline{1,8}$ ) toàn tỉnh của hộ trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

-  $\bar{y}_j$ : Năng suất khai thác củi bình quân một ha của nhóm gỗ thứ  $j$  ( $j = \overline{1,8}$ ), tính bằng tấn/ha;

-  $D_j$ : Diện tích rừng trồng được khai thác toàn tỉnh của hộ trong kỳ điều tra của nhóm gỗ thứ  $j$  ( $j = \overline{1,8}$ ), tính bằng ha;

(3) *Suy rộng sản lượng gỗ khai thác từ cây lâm nghiệp trồng phân tán của hộ trong kỳ điều tra*

Bước 1: Suy rộng tổng sản lượng gỗ khai thác từ cây lâm nghiệp trồng phân tán của hộ theo công thức:

$$H = \left( \sum (h_{ij} * \frac{N_j}{n_j}) \right) * \frac{P}{\sum N_j} \quad (5)$$

Trong đó:

H: Tổng sản lượng gỗ khai thác từ cây lâm nghiệp trồng phân tán của hộ trên toàn tỉnh trong kỳ điều tra, đơn vị tính  $m^3$ ;

$h_{ij}$ : Sản lượng gỗ khai thác từ cây lâm nghiệp trồng phân tán trong kỳ điều tra của hộ điều tra mẫu thứ  $i$  trên thôn mẫu  $j$ , đơn vị tính  $m^3$ ;

$N_j$ : Tổng số hộ của thôn mẫu thứ  $j$ ;

$n_j$ : Tổng số hộ mẫu thuộc thôn mẫu thứ  $j$  (mỗi thôn mẫu chọn 10 hộ mẫu);

P: Tổng số hộ thuộc các thôn có rừng của toàn tỉnh;

$\sum N_j$ : Tổng số hộ của các thôn mẫu của toàn tỉnh.

Bước 2: Suy rộng sản lượng gỗ khai thác từ cây lâm nghiệp trồng phân tán của hộ theo từng nhóm gỗ theo công thức:

$$H_j = f_j * H \quad (6)$$

$f_j$  được tính từ công thức:

$$f_j = \frac{\sum h_{ij}}{\sum h_i} \quad (7)$$

Trong đó:

$H_j$ : Tổng sản lượng gỗ nhóm  $j$  ( $j = \overline{1,8}$ ) khai thác từ cây lâm nghiệp trồng phân tán toàn tỉnh trong kỳ điều tra của hộ, tính bằng  $m^3$ ;

H: Tổng sản lượng gỗ khai thác từ cây lâm nghiệp trồng phân tán toàn tỉnh của hộ trong kỳ điều tra, đơn vị tính  $m^3$ ;

$f_j$  : Tỷ trọng sản lượng gỗ nhóm  $j$  ( $j = \overline{1,8}$ ) trong tổng sản lượng gỗ khai thác từ cây lâm nghiệp trồng phân tán của các hộ mẫu, tính bằng %;

$h_{ij}$  : Sản lượng gỗ nhóm  $j$  ( $j = \overline{1,8}$ ) khai thác từ cây lâm nghiệp trồng phân tán hộ mẫu  $i$ , tính bằng  $m^3$ ;

$h_i$  : Sản lượng gỗ khai thác từ cây lâm nghiệp trồng phân tán của hộ mẫu  $i$

(4) Suy rộng đối với sản lượng sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ khai thác, thu nhập của hộ trong kỳ điều tra theo công thức:

$$Y^k = \left( \sum (x_{ij}^k * \frac{N_j}{n_j}) \right) * \frac{P}{\sum N_j} \quad (8)$$

Trong đó:

$Y^k$ : Tổng sản lượng sản phẩm loại  $k$  ( $k = \overline{1,m}$ ) khai thác, thu nhập từ rừng và từ cây lâm nghiệp trồng phân tán của hộ trong kỳ điều tra;

$x_{ij}^k$ : Sản lượng sản phẩm loại  $k$  ( $k = \overline{1,m}$ ) của hộ điều tra mẫu  $i$  của thôn mẫu  $j$ ;

$N_j$ : Tổng số hộ của thôn mẫu thứ  $j$ ;

$n_j$ : Tổng số hộ mẫu thuộc thôn mẫu thứ  $j$  (mỗi địa bàn điều tra mẫu chọn 10 hộ mẫu);

$P$ : Tổng số hộ thuộc các thôn có rừng của toàn tỉnh;

$\sum N_j$ : Tổng số hộ của các thôn mẫu của toàn tỉnh.

(5) Suy rộng số cây lâm nghiệp phân tán trồng mới của hộ trong kỳ điều tra theo công thức:

$$L = \left( \sum (l_{ij} * \frac{N_j}{n_j}) \right) * \frac{P}{\sum N_j} \quad (9)$$

Trong đó:

$L$ : Tổng số cây lâm nghiệp phân tán trồng mới trong kỳ điều tra toàn tỉnh của hộ;

$l_{ij}$ : Số cây lâm nghiệp phân tán trồng mới trong kỳ điều tra của hộ điều tra mẫu  $i$  của thôn mẫu  $j$ ;

$N_j$ : Tổng số hộ của thôn mẫu thứ  $j$ ;

$n_j$ : Tổng số hộ mẫu thuộc thôn mẫu thứ  $j$  (mỗi địa bàn điều tra mẫu chọn 10 hộ mẫu);

$P$ : Tổng số hộ thuộc các thôn có rừng của toàn tỉnh;

$\sum N_j$ : Tổng số hộ của các thôn mẫu của toàn tỉnh.

(6) Suy rộng đối với sản lượng sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm của hộ trồng và cho thu hoạch trong kỳ điều tra

- Tính năng suất thu hoạch bình quân một ha của mẫu điều tra theo công thức:

$$\bar{z}_j = \frac{\sum z_{ij}}{\sum d_{ij}} \quad (10)$$



Trong đó:

$\bar{z}_j$ : Năng suất thu hoạch sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm loại  $j$  bình quân một ha ( $j = \overline{1,3}$ ) của mẫu điều tra trong kỳ điều tra;

$z_{ij}$ : Sản lượng sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm loại  $j$  ( $j = \overline{1,3}$ ) của hộ mẫu thứ  $i$  trong kỳ điều tra;

$d_{ij}$ : Diện tích thu hoạch sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm loại  $j$  ( $j = \overline{1,3}$ ) của hộ mẫu thứ  $i$  trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

- Suy rộng sản lượng sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm trồng cho thu hoạch toàn tỉnh của hộ trong kỳ điều tra theo công thức:

$$Z_j = \bar{z}_j * D_j \quad (11)$$

Trong đó:

$Z_j$ : Sản lượng sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm thu hoạch loại  $j$  ( $j = \overline{1,3}$ ) toàn tỉnh của hộ trong kỳ điều tra;

$\bar{z}_j$ : Năng suất thu hoạch sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm loại  $j$  bình quân một ha ( $j = \overline{1,3}$ ) của mẫu điều tra trong kỳ điều tra;

$D_j$ : Diện tích thu hoạch sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm loại  $j$  ( $j = \overline{1,3}$ ) toàn tỉnh của hộ trong kỳ điều tra.

#### c) Tổng hợp kết quả điều tra toàn tỉnh

Kết quả điều tra của toàn tỉnh được tổng hợp theo từng loại chỉ tiêu thuộc nội dung điều tra của từng loại đơn vị điều tra theo nguyên tắc cộng kết quả điều tra toàn bộ và kết quả suy rộng mẫu điều tra, được thể hiện cụ thể trong bảng dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Kết quả điều tra toàn bộ	Kết quả suy rộng từ điều tra chọn mẫu
1	Diện tích rừng trồng mới tập trung	x	
2	Diện tích rừng trồng được chăm sóc	x	
3	Diện tích rừng tự nhiên được khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh	x	
4	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán	x	x
5	Số cây giống lâm nghiệp sản xuất	x	
6	Diện tích rừng được bảo vệ	x	
7	Sản lượng gỗ khai thác	x	x
8	Sản lượng sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ được khai thác, thu nhập từ rừng và từ cây lâm nghiệp trồng phân tán	x	x
9	Sản lượng sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm	x	x
10	Doanh thu từ hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (thu thập từ trang trại và các tổ chức)	x	

## **VIII. Kế hoạch tiến hành điều tra**

### **Bước 1. Chuẩn bị điều tra**

- Thời gian thực hiện 30 ngày trước thời điểm điều tra;
- Nội dung thực hiện:
  - + Bổ sung, sửa đổi phương án điều tra (nếu có); triển khai, hướng dẫn phương án điều tra ở cấp tỉnh, huyện; rà soát các đơn vị điều tra; chọn mẫu điều tra; in phương án và phiếu điều tra;
  - + Xây dựng và cập nhật hệ thống biểu mẫu, chương trình phần mềm nhập tin, chương trình kiểm tra và tổng hợp kết quả điều tra cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và toàn quốc;
  - + Lựa chọn điều tra viên, giám sát viên các cấp theo tiêu chuẩn quy định. Bên cạnh những tiêu chuẩn chung, cần chú ý lựa chọn những người nắm rõ tình hình sản xuất lâm nghiệp tại địa bàn, như cán bộ khuyến lâm, trưởng thôn,... Đối với điều tra mẫu sản lượng khai thác gỗ và điều tra mẫu sản lượng sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ khai thác thu nhặt từ rừng và từ cây lâm nghiệp trồng phân tán, cần lựa chọn những người nắm rõ quy trình trồng và khai thác gỗ, hiểu rõ tình hình khai thác sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ tại địa bàn;
  - + Tập huấn điều tra viên, giám sát viên các cấp (nếu có).

### **Bước 2. Triển khai điều tra**

Thực hiện 15 ngày từ thời điểm điều tra, chia thành các giai đoạn sau:

- Giai đoạn 1:
  - + Thực hiện thu thập thông tin phiếu số 01/ĐTLN-THON để có thông tin làm dàn mẫu cho cuộc điều tra sản lượng gỗ và sản phẩm lâm nghiệp trọng điểm;
  - + Thu thập thông tin của phiếu số 02/ĐTLN-DN,TT.
- Giai đoạn 2: Tiến hành thu thập thông tin các phiếu còn lại.

### **Bước 3. Nghiệm thu, nhập tin, xử lý tổng hợp số liệu**

- Thời gian thực hiện: 20 ngày sau khi kết thúc thu thập số liệu;
- Nội dung thực hiện: Kiểm tra, làm sạch, đánh mã các phiếu điều tra; nghiệm thu số lượng và chất lượng phiếu điều tra; nhập tin số liệu điều tra; xử lý, kiểm tra số liệu nhập tin, tổng hợp số liệu, báo cáo giải trình và truyền kết quả nhập tin về Tổng cục Thống kê.

### **Bước 4. Tổng hợp, phân tích và công bố kết quả điều tra**

Tổng cục Thống kê tổng hợp, phân tích và công bố kết quả của cuộc điều tra sau 15 ngày kể từ ngày nhận số liệu nhập tin từ các Cục Thống kê.

## **IX. Tổ chức thực hiện**

### **1. Cấp Trung ương**

a) Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và nghiệm thu khối lượng, chất lượng phiếu điều tra, biểu tổng hợp của các địa phương thực hiện cuộc điều tra theo quy định của Phương án này.

b) Vụ Kế hoạch tài chính chủ trì và phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản bảo đảm kinh phí điều tra; cấp phát, hướng dẫn định mức chi tiêu, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp.

c) Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê hướng dẫn các Cục Thống kê và phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, thanh tra cuộc điều tra này.

d) Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản lựa chọn đơn vị xây dựng phần mềm xử lý kết quả cuộc điều tra.

## **2. Cấp địa phương**

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc triển khai thực hiện cuộc điều tra theo phương án, đảm bảo chất lượng thông tin thu thập, quản lý và sử dụng kinh phí điều tra đúng chế độ, hiệu quả.

Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường kiểm tra, giám sát nâng cao chất lượng thông tin; tiến hành phúc tra đối với những địa bàn và đơn vị có tăng, giảm đột biến về diện tích, năng suất, sản lượng sản phẩm lâm nghiệp hoặc có biểu hiện vi phạm phương pháp điều tra.

## **X. Kinh phí và các điều kiện vật chất cho điều tra**

Kinh phí điều tra từ nguồn ngân sách Nhà nước do Tổng cục Thống kê phân bổ trong kinh phí điều tra thường xuyên để thực hiện những nội dung theo phương án điều tra. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được phân bổ theo chế độ tài chính hiện hành, đảm bảo điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra./.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Phạm Quang Vinh**